TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **110**/2025/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Ông Đặng Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Tề Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 06 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ: B - B N, phường X (cũ là phường V, quận C), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim H – chức vụ: Chuyên viên KSRR– Địa điểm kinh doanh Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ- Phòng G; Địa chỉ: G N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (*Theo Giấy ủy quyền số 47/2025/UQ-PGDST ngày 22/04/2025)*. (bà H có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Kiều C**- sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số A L, phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim H trình bày:**

Ngày 08/01/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) và bà Trần Thị Kiều C có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà C, S1 đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, (4225 –V 436438 – 9426). Lãi suất trong hạn được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng là: 29,8%/năm (2,48%/tháng); Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (2,48% x 150%)

Sau khi được cấp thẻ bà C đã thực hiện 03 giao dịch với tổng số tiền là 60.851.000 đồng. Bà C đã thanh toàn cho Ngân hàng với tổng số tiền 24.547.755 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 19/10/2024, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 30/09/2025, bà C còn nợ ngân hàng tổng số tiền: 64.106.965 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm linh sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 44.618.762 đồng; lãi 19.488.203 đồng (lãi trong hạn 6.496.068 đồng và lãi quá hạn 12.992.135 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà C vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Kiều C phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 64.106.965 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm linh sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 44.618.762 đồng; lãi 19.488.203 đồng (lãi trong hạn 6.496.068 đồng và lãi quá hạn 12.992.135 đồng).Buộc bà Trần Thị Kiều C phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

** Bị đơn bà Trần Thị Kiều C mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lê các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là bà Trần Thị Kiều C đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại

Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/ TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Thông tư số 19/2016/TT – NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Kiều C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 30/09/2025 là 64.106.965 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm linh sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 44.618.762 đồng; lãi 19.488.203 đồng (lãi trong hạn 6.496.068 đồng và lãi quá hạn 12.992.135 đồng). Bà C phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trần Thị Kiều C là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bà Trần Thị Kiều C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: bà Trần Thị Kiều C đã khởi tạo kích hoạt thẻ tín dụng quốc tế 4225 –V 436438 – 9426 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 08/01/2024 và bà C đồng ý bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, căn cứ thu nhập của bà C, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 29,8%/năm (2,48%/tháng), lãi suất quá hạn 3,72%/tháng. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện

ký kết hợp đồng với nội dung không trái các quy định của pháp luật nên công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 08/01/2024 được ký kết giữa S1 và bà C là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà C đã thực hiện 03 giao dịch với tổng số tiền là 60.851.000 đồng. Bà C đã thanh toàn cho Ngân hàng với tổng số tiền 24.547.755 đồng. Trong đó: phí 1.049.000 đồng, lãi phát sinh 7.266.517 đồng và thanh toán gốc 16.232.238 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 19/10/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1; buộc bà Trần Thị Kiều C phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 64.106.965 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm linh sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 44.618.762 đồng; lãi 19.488.203 đồng (lãi trong hạn 6.496.068 đồng và lãi quá hạn 12.992.135 đồng).

Bà C phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/01/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho S1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của S1 được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Các điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Thị Kiều C.

Buộc bà Trần Thị Kiều C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 30/09/2025 là 64.106.965 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm linh sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 44.618.762 đồng; lãi 19.488.203 đồng (lãi trong hạn 6.496.068 đồng và lãi quá hạn 12.992.135 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Kiều C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/01/2024. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.205.000 đồng *(Ba triệu hai trăm linh năm ngàn đồng)* bà Trần Thị Kiều C phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.551.099 đồng *(Một triệu năm trăm năm mươi mốt ngàn, không trăm chín mươi chín đồng)* cho Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số 0006547 ngày 09/06/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy